

駒場図書館所蔵マイクロフィルム（OPACで検索できないもの）

Microfilms held by Komaba Library (not searchable by OPAC)

その他のマイクロフィルムはOPACで検索できます。詳細検索画面で、[キャンパス=駒場図書館]、  
[媒体種別=マイクロリール]と設定すると、駒場図書館所蔵マイクロフィルムに絞り込むことができます。

Other microfilms can be searched by OPAC.

You can narrow down your search by setting it as follows on the Advanced Search screen.

[Campus=Komaba Library], [Media Type=Micro Reel]

2024.2.22現在

請求記号	タイトル	リールNo. (巻号,発行年等)	タイトル別 リール数
M-65:1	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.1 1巻: 13期, 2巻: 11-12,14,20-24/25期, 3巻: 1-3,5-25期 (1938.3.12-1939.12.31)	7
M-65:2	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.2 4巻: 1-8,11,13-14,18期, 5巻: 3,6-7,9/10-11期, 7巻: 22期 (1940.1.10-1942.11.30)	
M-65:3	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.3 8巻: 1/2-22期 (1943.1.16-12.16)	
M-65:4	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.4 9巻: 1-23/24期 (1944.1.11-12.25)	
M-65:5	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.5 10巻: 1-24期 (1945.1.15-12.25)	
M-65:6	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.6 11巻: 1-12期, 12巻: 1-12期 (1946.1.15-10.13)	
M-65:7	群衆 [漢口版] qun zhong	Reel.7 13巻: 1-11/12期, 14巻: 1-9期 (1946.10.20-1947.3.2)	
M-66:1	群衆 [香港版] qun zhong	Reel.1 1巻: 1-22期 (1947.1.30-6.26)	5
M-66:2	群衆 [香港版] qun zhong	Reel.2 1巻: 23-50期 (1947.7.3-1948.1.8)	
M-66:3	群衆 [香港版] qun zhong	Reel.3 2巻: 1-25期 (1948.1.15-6.24)	
M-66:4	群衆 [香港版] qun zhong	Reel.4 2巻: 26-50期 (1948.7.1-12.23)	
M-66:5	群衆 [香港版] qun zhong	Reel.5 3巻: 1-42/43期 (1948.12.30-1949.10.20)	
M-93:1	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao 1938.9-1946.7.16	1938.9.1-1941.12.31	9
M-93:2	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1942.4.1-12.31	
M-93:3	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1943.1.1-6.30	
M-93:4	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1943.7.1-12.30	
M-93:5	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1944.1.1-6.30	
M-93:6	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1944.7.1-12.31	
M-93:7	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1945.1.1-6.30	

請求記号	タイトル	リールNo. (巻号,発行年等)	タイトル別 リール数
M-93:8	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1945.7.1-12.31	
M-93:9	中央日報 [重慶版] zhong yang ri bao	1946.1.1-7.16	
M-96	中央日報 [貴陽版] zhong yang ri bao 1943.4.1-1948.4.30	1943.4.1-1948.4.30	1
M-98	中央日報 [福建版] zhong yang ri bao 1943.7.1-1944.6.30	1943.7.1-1944.6.30	1
M-99	中央日報 [芷江版] zhong yang ri bao 1943.8.1-12.31	1943.8.1-12.31	1
M-100	中央日報 [廣西版] zhong yang ri bao 1943.10.1-1944.7.31	1943.10.1-1944.7.31	1
M-101	中央日報 [安徽版] zhong yang ri bao	1944.7.1-1945.6.30	1
M-102	中央日報 [廣西版] zhong yang ri bao	1945.1.1-7.31	1
M-103:1	中央日報 [南京版] zhong yang ri bao 1945.3.1-7.31, 1945.9.1-1947.12.31, 1948.1.1-1949.4.30	1945.3.1-7.31	3
M-103:2	中央日報 [南京版] zhong yang ri bao	1945.9.1-1947.12.31	
M-103:3	中央日報 [南京版] zhong yang ri bao	1948.1.1-1949.4.30	
M-104	中央日報 [瀋陽版] zhong yang ri bao 1948.7.1-7.31	1948.7.1-7.31	1
M-105:1	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao 1950.10-1971	1950.10-12	56
M-105:2	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1951.1-6	
M-105:3	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1951.7-12	
M-105:4	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1952.1-6	
M-105:5	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1952.7-12	
M-105:6	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1953.1-6	
M-105:7	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1953.7-12	
M-105:8	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1954.1-6	
M-105:9	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1954.7-12	
M-105:10	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1955.1-6	
M-105:11	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1955.7-12	
M-105:12	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1956.1-6	
M-105:13	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1956.7-12	
M-105:14	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1957.1-6	
M-105:15	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1957.7-12	
M-105:16	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1958.1-6	
M-105:17	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1958.7-12	
M-105:18	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1959.1-4	
M-105:19	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1959.5-8	
M-105:20	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1959.9-12	
M-105:21	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1960.1-4	
M-105:22	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1960.5-8	
M-105:23	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1960.9-12	
M-105:24	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1961.1-4	
M-105:25	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1961.5-8	
M-105:26	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1961.9-12	
M-105:27	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1962.1-6	
M-105:28	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1962.7-12	
M-105:29	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1963.1-4	
M-105:30	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1963.5-8	
M-105:31	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1963.9-12	

請求記号	タイトル	リールNo. (巻号,発行年等)	タイトル別 リール数
M-105:32	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1964.1.1-4.30	
M-105:33	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1964.5.1-8.31	
M-105:34	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1964.9.1-12.31	
M-105:35	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1965.1.1-4.30	
M-105:36	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1965.5.1-8.31	
M-105:37	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1965.9.1-12.31	
M-105:38	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1966.1.1-3.31	
M-105:39	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1966.4.1-6.30	
M-105:40	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1966.7.1-9.30	
M-105:41	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1966.10.1-12.31	
M-105:42	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1967.1.1-4.30	
M-105:43	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1967.5.1-8.31	
M-105:44	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1967.9.1-12.31	
M-105:45	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1968.1.1-4.30	
M-105:46	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1968.5.1-8.31	
M-105:47	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1968.9.1-12.31	
M-105:48	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1969.1.1-4.30	
M-105:49	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1969.5.1-8.31	
M-105:50	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1969.9.1-12.31	
M-105:51	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1970.1.1-4.30	
M-105:52	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1970.5.1-8.31	
M-105:53	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1970.9.1-12.31	
M-105:54	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1971.1.1-4.30	
M-105:55	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1971.5.1-8.31	
M-105:56	中央日報 [臺北版] zhong yang ri bao	1971.9.1-12.31	